

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ -ST
Ngày: 26 - 11 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Tuyết.
- Ông Hoàng Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Ông Lưu Minh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 77/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Đức G, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1993; nơi cư trú: TDP P, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình là bị đơn; Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 01, Trại giam số 6; địa chỉ: Đường H15, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đỗ Đức G trình bày:

Anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị Kiều O tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2023 chị O phạm tội phải đi chấp hành án tại Nghệ An do đó mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, không còn cách nào để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên anh Ngô Đức G yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Đức G yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đỗ Thị Kiều V, sinh ngày 12/10/2013. Khi ly hôn anh G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh G không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/10/2024 bị đơn - chị Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều O thống nhất với phần trình bày của anh Đỗ Đức G về thời gian tìm hiểu, thời gian kết hôn và chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2014 chị O đưa con chung về nhà mẹ ruột để sinh sống, nhưng hiện nay cháu Vy đang ở cùng với anh G. Do chị O hiện nay đang chấp hành án phạt tù, vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không thể khắc phục và hàn gắn được nữa, nên trước yêu cầu xin ly hôn của anh G thì chị O đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đỗ Thị Kiều V, sinh ngày 12/10/2013. Hiện nay con đang ở với bố vì vậy khi ly hôn chị O đồng ý giao con chung cho anh G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị O không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết và đương sự trong vụ án là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đức G về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Đức G được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Thị Kiều V, sinh ngày 12/10/2013 cho anh Đỗ Đức G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị Kiều O đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh G không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ý kiến của anh G là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị Kiều O không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Anh Đỗ Đức G phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 số 0002690 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Anh Đỗ Đức G có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Nguyễn Thị Kiều O, chị O là bị đơn có hộ khẩu đăng ký thường trú tại: Tổ dân phố P, thị trấn N, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị Kiều O có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị Kiều O tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh G và chị O chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng năm 2014, giữa anh G và chị O phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2023 chị O bị xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 1, Trại giam số 6, đóng tại huyện T, tỉnh Nghệ An vì vậy hai người cũng không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Hiện tại, anh G và chị O không còn sống chung với nhau và anh G xác định không còn tình cảm với chị O nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại bản tự khai của chị O cũng xác định không còn tình cảm với anh G và đồng ý ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh G và chị O là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh G yêu cầu được ly hôn với chị O là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị Kiều O thống nhất giữa anh G và chị O có một con chung Đỗ Thị Kiều V, sinh ngày 12/10/2013. Khi ly hôn chị O đồng ý giao con chung cho anh G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh G cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Đỗ Thị Kiều V, sinh ngày 12/10/2013 cho anh Đỗ Đức G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của các đương sự.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh G không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ý kiến của anh G là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị Kiều O không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Đỗ Đức G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đức G về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Đức G được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều O.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Thị Kiều V, sinh ngày 12/10/2013 cho anh Đỗ Đức G được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế. Chị O không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị Kiều O đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh G không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ý kiến của anh G là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị Kiều O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Anh Đỗ Đức G phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 số 0002690 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (số 27/Quyền số: 01/2013)
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Quảng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn P Quảng

